TÒA PHÚC THẨM **TÒAÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2025/HS-PT
Ngày: 23/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đ;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt H;

Ông Phạm Văn L.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Xuân T, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Minh H, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại điểm cầu trực tuyến: Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và tại điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ L số 646/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Thị M. Do có kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

1. Bị cáo không có kháng cáo, bị kháng cáo:

Vũ Thị M (tên gọi khác: không), sinh năm 1964, tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: Thôn 2, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nay là: Phường Hiệp Hoà, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn V (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); sống chung như vợ chồng với: ông Đỗ Minh T (đã chết), ông Vũ Văn D, ông Nguyễn Văn K; có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/3/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 17 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 20 năm tù. Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 năm tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với 20 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số:13/2015/HSST ngày 11/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 30 năm tù; bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến; có mặt.

2. Bị hại có kháng cáo: Bà Vũ Thị Lệ H, sinh năm 1960; nơi đăng ký thường trú: ấp 5, xã Phước Kiểng, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1975; nơi ĐKTT: tổ 8, khu Thống Nhất, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phường Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh); nơi ở hiện nay: số nhà 13, dãy K, khu công vụ Trường sỹ quan không quân, đường Cao Xuân Huy, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà H và bà N: Luật sư Trần Đức N và Luật sư Nguyễn Tuấn A, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được Tòa án triệu tập: Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; nơi thường trú: tổ 38, khu 10 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nay là phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, ông Đỗ Đức T vay của Vũ Thị M số tiền 500.000.000 đồng; do không có tiền trả nợ nên ông T dẫn M về nhà gặp vợ là bà Nguyễn Thị L; vợ chồng ông T thống nhất đưa cho M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ165871, số vào sổ cấp GCN:H00207 do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T - bà Nguyễn Thị L của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65, diện tích 545,1m^2; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của vợ chồng ông bà T - L (đều là bản gốc) để nhờ M làm thủ tục vay tiền ngân hàng trả nợ số tiền ông T vay cho M nhưng không vay được. Sau đó, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên M nảy sinh ý định làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất của vợ chồng ông T sang tên M. Ngày 14/7/2011, M và bạn tên V(thường gọi V ngọng), nhà ở khu vực phường Quang Trung, thành phố Uông Bí đến Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh do ông Phạm Văn K - Công chứng viên, là Trưởng phòng để làm thủ tục chuyển nhượng. Tại Phòng công chúng số 3, M xuất trình bản gốc các tài liệu: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ165871; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của M và của vợ chồng ông T cho ông K để yêu cầu công chứng. Ông K soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, M ra ngoài cổng Phòng công chứng gọi thêm một người đàn ông tên Hùng (làm nghề lái xe ôm thường xuyên chở hàng cho M) vào trong Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh và nhờ Hùng đóng giả ông T, Vđóng giả bà L để ký tên vào bên chuyển nhượng tại hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, M làm thủ tục đăng ký biến động đất đai; ngày 22/7/2011, M T chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để vay tiền. Đến cuối năm 2012, do có nhiều khoản nợ xấu ngân hàng, không thể vay thêm tiền nên M đưa ra thông tin gian dối, cụ thể là: nói với bà Vũ Thị Lệ H là thửa đất của vợ chồng ông T là của M,

M sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất này cho bà H, mục đích để bà H làm thủ tục T chấp vay tiền ngân hàng, số tiền vay được sẽ chia cho bà H sử dụng một nửa, M sử dụng một nửa, hàng tháng M sẽ trả tiền gốc, tiền lãi cho bà H đối với số tiền vay đã được nhận. Bà H đồng ý, nên ngày 23/10/2012, M đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất của vợ chồng ông T cho bà H. Ngày 30/10/2012, bà H đã T chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng của M tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Hải, thành phố Hải Phòng để vay tiền; số tiền vay được, bà H đã đưa cho M 1.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay M không trả được tiền gốc, tiền lãi cho bà H, một mình bà H trả tiền cho ngân hàng, nên bà H mặc định là M đã bán thửa đất nêu trên cho mình với giá 1.300.000.000 đồng. Ngày 23/10/2013, bà H chuyển nhượng thửa đất cho bà Phạm Thị N với giá 1.200.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, đã thu thập tài liệu liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T với M, giữa M với bà H và giữa bà H với bà N.

Tại Kết luận giám định số: 259/KL-KTHS ngày 19/02/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ ký dạng chữ viết mang tên "Vũ Thị M" trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A06 và chữ viết "Vũ Thị M" dưới chữ ký trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A07 so với chữ ký dạng chữ viết mang tên "Vũ Thị M" và chữ viết (trừ các chữ ở ô màu đỏ) trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M04 là do cùng một người viết ra; chữ ký dạng chữ viết mang tên "Đỗ Đức T", "Đỗ Quoang T" và chữ viết "Đỗ Đức T", "Đỗ Quoang T" trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A09 so với chữ ký dạng chữ viết mang tên "Đỗ Đức T" và chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M05, M06 không phải do cùng một người viết ra; chữ ký dạng chữ viết mang tên "Ng Thị L" và chữ viết "Ng Thị L" trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A07 so với chữ ký dạng chữ viết mang tên "Nguyễn Thị L" và chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M07, M08 không phải do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Vũ Thị M khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. M khai khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H, M nói thửa đất trên là của M, M mua lại của người khác. Bà H không quen biết vợ chồng ông T, không biết việc trước đó M nhờ người đóng giả ông T, bà L để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T - bà L sang cho M. Sau khi bà H vay được tiền ngân hàng, bà H đã đưa cho M 1.300.000.000 đồng, M phải có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho số tiền đã nhận. Nhưng do M không có khả năng trả nợ nên một mình bà H phải đứng ra trả toàn bộ khoản tiền đã vay của ngân hàng. Sau đó, M bị bắt và bị xử L về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến nay, M vẫn chưa trả được số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà H.

Tại Cáo trạng số: 608/CT-VKSQN-P2 ngày 30/12/2024, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Vũ Thị M về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Vũ Thị M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị M 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30 (ba mươi) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo Vũ Thị M phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2013 (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến).

[2] Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án có thẩm quyền khi bị hại bà Vũ Thị Lệ H có yêu cầu.

[3] Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 152 Luật Đất đai năm 2024, Hội đồng xét xử kiến nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Uông Bí - Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ninh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh: thu hồi bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871; số vào sổ cấp GCN: H00207 do UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L. Để thu hồi, hủy bỏ phần đăng ký biến động: ngày 21/7/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: bà Vũ Thị M được quyền sử dụng GCNQSD đất số AD165871, số hồ sơ 490 ngày 21/7/2011; ngày 23/10/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: bà Vũ Thị Lệ H được quyền sử dụng GCNQSD đất số AD165871 cấp ngày 21/7/2011, số hồ sơ 450 ngày 23/10/2012; ngày 23/10/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: ông Đào Việt Hưng và bà Phạm Thị N được quyền sử dụng thửa đất tại GCNQSD đất số AD165871 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 205 quyển số 35 TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng công chứng số 3 chứng thực ngày 18/10/2013, số: 419 ngày 23/10/2013 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871; số vào sổ cấp GCN: H00207 do UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L; đăng ký biến động đất đai hoặc cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cho ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/4/2025, bị hại bà Vũ Thị Lệ H kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án kiến nghị Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, kiểm sát khởi tố công chứng viên Phạm Văn K.

Ngày 17/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, đề nghị trả hồ sơ và kiến nghị cơ quan điều tra, kiểm sát khởi tố công chứng viên Phạm Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại bà Vũ Thị Lệ H và bà Phạm Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo và cùng ủy quyền cho Luật sư Trần Đức Năng trình bày nội dung kháng cáo; cụ thể: Bà H xác định việc vợ chồng ông Đỗ Đức T và Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại của bị hại và bà Phạm Thị N. Vì, bị cáo Vũ Thị M đã có hành vi lừa đảo để sang tên thửa đất từ vợ chồng ông T sang tên bị cáo, sao đó chuyển nhượng cho bà H, do giấy chứng nhận đứng tên bị cáo nên bà H mới nhận chuyển nhượng để T chấp vay tiền ngân hàng sau đó chuyển nhượng cho bà N. Bà N là người mua bán ngay tình. Nay bản án sơ thẩm đã hủy việc chuyển nhượng và kiến nghị khôi phục quyền sử dụng đất đó cho vợ chồng ông T trong khi ông T còn nợ bị cáo M 500 triệu đồng. Như vậy ông T vừa không phải trả tiền cho bị cáo vừa được nhận lại đất; bà H mất tiền mua đất nhưng không được là bị hại, không được bồi thường là chưa xem xét quyền lợi của bà H và bà N.

Việc bị cáo M làm được hợp đồng chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông T sang tên bị cáo là có sự giúp sức của Công chứng viên Phạm Văn K. Vì bị cáo M đã nhờ hai người là đối tượng V"ngọng" và đối tượng Hùng đóng giả là vợ chồng ông Đỗ Đức T; khi ký hợp đồng có chứng minh thư của vợ chồng ông T thì Công chứng viên Phạm Văn K không thể không phát hiện ra đó không phải là ông T và bà L. Vì vậy yêu cầu xử L trách nhiệm hình sự đối với công chứng viên này.

Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xác định bà N là người liên quan là không đúng vì bà N là người đã mua ngay tình thửa đất đó từ bà H; Tại bản án sơ thẩm đã tách việc giải quyết trách nhiệm dân sự giữa bị cáo, vợ chồng ông T, bà H và bà N thành vụ án khác khi có yêu cầu là không đúng. Theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự thì phải được giải quyết trong cùng vụ án này. Ngay từ đầu Cơ quan điều tra đã không hỏi ý kiến bà H, bà N là thiếu sót; bản thân bị cáo M đã có yêu cầu ông T trả số tiền 500 triệu đồng cho bà H để bà H trả tiền cho bà N; bà N là người bị thiệt hại sau cùng đối với số tiền 1,2 tỷ đồng cho dù là được trả bằng lãi suất ngân hàng cũng là rất cao; số tiền ông T nợ bị cáo M 500 triệu đồng từ đó đến nay nếu phải trả cộng thêm lãi suất cũng là rất cao. Đề nghị xem xét hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm của Công chứng viên Phạm Văn K. Do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giao điều tra, xét xử lại theo đúng quy định.

Bị cáo Vũ Thị M thừa nhận toàn bộ hành vi như đã bị quy kết nên không kháng cáo. Bị cáo thừa nhận đã có hành vi lừa dối khi nhờ người đóng giả vợ chồng ông T để sang tên đất đó cho mình sau đó do cần tiền làm ăn nên đã thỏa thuận sang tên cho bà H để nhờ bà H vay tiền giúp bị cáo. Bị cáo xác định đã nhận từ bà H 1,3 tỷ đồng và chưa trả được cho bà H đồng nào. Nay bị cáo yêu cầu vợ chồng ông T phải trả cho bị cáo số tiền còn nợ để bị cáo trả lại cho bà H hoặc bà N. Bị cáo mong được đi chấp hành án sớm để có cơ hội trở về.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm của bị cáo; mong Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bà Vũ Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, bị cáo M đã chiếm đoạt của bị hại bà H số tiền 1,3 tỷ đồng; trong quá trình tố tụng bà H chỉ có lời khai ngày 21/02/20224 nhưng bà H chưa có quan điểm về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp nhận quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 13/02/2025; hơn nữa việc chuyển nhượng thửa đất số 14 xuất phát từ quan hệ vay tiền cũng chưa được điều tra làm rõ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự này để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án có thẩm quyền khi bị hại bà H có yêu cầu, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo đề nghị cơ quan tố tụng khởi tố Công chứng viên Phạm Văn K, thấy rằng: Đối với ông Phạm Văn K, tại thời điểm ngày 14/7/2011 là Công chứng viên - Trưởng Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh, có hành vi công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/7/2011, chuyển nhượng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65, diện tích 545,1m2; địa chỉ tại tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871 mang tên Đỗ Đức T và Nguyễn Thị L sang cho Vũ Thị M nhưng không biết việc bị cáo M nhờ 02 đối tượng tên Hùng và Vđóng giả ông T, bà L ký vào hợp đồng chuyển nhượng nên không đề cập xử L; không có dấu hiệu đồng phạm nên không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng.

Bản án sơ thẩm xác định bà Vũ Thị Lệ H là bị hại bị chiếm đoạt số tiền 1,3 tỷ đồng; bị cáo M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo M 12 năm tù là phù hợp, đúng người, đúng tội, không oan. Từ các phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị N. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Vũ Thị Lệ H và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị hại bà Vũ Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa không có thêm tài liệu nào mới; ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L cũng như Công chứng viên Phạm Văn K đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị hại bà Vũ Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hành vi bị cáo Vũ Thị M: Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo thực hiện đúng với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung Cáo trạng, cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại bà Vũ Thị Lệ H, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Đỗ Đức T - bà Nguyễn Thị L; bà Phạm Thị N, người làm chứng ông Phạm Văn K, phù hợp với hồ sơ công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/11/2011 số công chứng 172 Quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên chuyển nhượng ông Đỗ Đức T - bà Nguyễn Thị L với bên nhận chuyển nhượng bà Vũ Thị M (bút lục 121 đến 140); Kết luận giám định số: 259/KL-KTHS ngày 19/02/2024, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh (bút lục 195-196) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Năm 2011, trên địa bàn thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Vũ Thị M đã nhờ một người phụ nữ tên là Vvà một người đàn ông tên Hùng đóng giả ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L đến Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65, diện tích 545,1m^2; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871, số vào sổ cấp GCN: H00207 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L cho Vũ Thị M. Sau đó, Vũ Thị M có hành vi gian dối, đưa ra thông tin mình là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất nhưng thực tế đây vẫn là thửa đất hợp pháp của vợ chồng ông Đỗ Đức T - bà Nguyễn Thị L để bà Vũ Thị Lệ H tin tưởng, đồng ý để Vũ Thị M chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho bà H, để bà H làm thủ tục T chấp thửa đất tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Hải, thành phố Hải Phòng vay tiền để Vũ Thị M và bà H cùng sử dụng, có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng đối với số tiền được sử dụng. Sau khi vay được tiền, bà H đưa cho Vũ Thị M 1.300.000.000 đồng, Vũ Thị M đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết,

đến nay vẫn không trả được tiền cho bà H để trả nợ ngân hàng. Do đó tại bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Thị M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; nay bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị về tội danh và hình phạt nên không xét.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị Lệ H và kháng cáo của bà Phạm Thị N đều có nội dung giống nhau. Thấy: Xuất phát từ hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị M, bị cáo lợi dụng khi được ông T - bà L do có nợ bị cáo số tiền 500 triệu đồng nên đã phải đưa bản chính các giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T - bà L cho bị cáo, với mục đích để nhờ bị cáo làm thủ tục T chấp quyền sử dụng đất để ông T - bà L vay tiền ngân hàng trả nợ cho bị cáo nhưng bị cáo không làm được, cũng không trả lại giấy tờ cho chủ sở hữu tài sản; bị cáo đã có hành vi gian dối là nhờ người đóng giả là chủ sở hữu tài sản đến Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất đó sang cho bị cáo. Sau đó, bị cáo tiếp tục có hành vi gian dối, đưa ra thông tin bị cáo là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65, diện tích 545,1m^2; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) để bà Vũ Thị Lệ H tin tưởng, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên từ bị cáo và làm thủ tục T chấp thửa đất vay tiền tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Hải, thành phố Hải Phòng rồi đưa cho bị cáo 1.300.000.000 đồng. Bằng hành vi phạm tội, bị cáo chiếm đoạt được số tiền 1.300.000.000 đồng từ bà H. Do đó bị cáo bị xetsa xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tuyên phạt bị cáo 12 năm tù đồng thời tổng hợp hình phạt của các bản án trước đó là phù hợp.

Nay bị cáo bị kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản án sơ thẩm đã xác định "… bằng hành vi phạm tội, bị cáo Vũ Thị M đã chiếm đoạt của bị hại bà Vũ Thị Lệ H số tiền 1.300.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, bà H chỉ có lời khai ngày 21/02/2024, nhưng bà H chưa có quan điểm về giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp nhận quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 13/02/2025. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, căn cứ quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự này, để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án có thẩm quyền khi bị hại bà Vũ Thị Lệ H có yêu cầu" là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị Lệ H khai bị cáo M do có nhiều nợ xấu nên không thể vay tiếp ngân hàng; do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bị cáo Vũ Thị M nên đã thống nhất sang tên cho bà H để bà H vay ngân hàng. Thực tế sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong, bà H đã đứng tên T chấp đất đó để vay ngân hàng được 2,7 tỷ đồng, bà H đưa cho bị cáo sử dụng 1,35 tỷ đồng (bị cáo M xác định chỉ nhận được 1,3 tỷ đồng), còn lại bà H sử dụng, sau đó do bị cáo không trả tiền được cho ngân hàng nên bà H đã chuyển nhượng đất đó cho bà N lấy 1,2 tỷ đồng để trả cho phần bị cáo M không trả được cho ngân hàng.

Như vậy có căn cứ xác định việc bị cáo Vũ Thị M và bà Vũ Thị Lệ H bàn bạc với nhau về việc bị cáo chuyển tên thửa đất do phạm tội mà có cho bà H để bà H đứng tên vay tiền của Ngân hàng để cả hai cùng sử dụng, sau đó bị cáo M không có khả năng trả lại khoản tiền này. Đây là thỏa thuận dân sự giữa bị cáo với bà H; khi làm thủ tục chuyển nhượng giữa các bên thì cũng không có việc bàn giao đất trên thực tế; bà H và bà N đã không tham gia phiên tòa sơ thẩm để thực hiện quyền về dân sự của mình nên tại bản án sơ thẩm đã xác định bà H là người bị hại và do bà H không thực hiện quyền yêu cầu theo quy định của BLTTHS tại giai đoạn sơ thẩm nên đã tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự là đúng quy định.

Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871, số vào sổ cấp GCN: H00207 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L, bị cáo M đã nhờ người đóng giả ông T - bà L đến Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh để ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo M; sau đó bị cáo M tiếp tục có hành vi gian dối, đưa ra thông tin bị cáo M là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất để bà H tin tưởng nhận chuyển nhượng thửa đất, làm thủ tục T chấp vay tiền ngân hàng để bị cáo M và bà H cùng sử dụng. Do bị cáo M không có khả năng đưa tiền cho bà H trả nợ ngân hàng nên bà H đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho bà Phạm Thị N. Hành vi nhờ người đóng giả ông T - bà L để ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho M là vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/11/2011 số công chứng 172 Quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên chuyển nhượng ông Đỗ Đức T - bà Nguyễn Thị L với bên nhận chuyển nhượng bà Vũ Thị M vô hiệu. là đúng. Vấn đề này có liên quan đến hành vi công chứng hợp đồng của Phòng công chứng số 3, tỉnh Quảng Ninh và trách nhiệm của Công chứng viên có dấu hiệu đã thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc không phát hiện ra người khác đóng giả là người trong Chứng minh thư nhân dân, trong hộ khẩu và có tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị cáo Vũ Thị M đưa đến yêu cầu công chứng. Nhưng tại bản án sơ thẩm đã nhận định: "- Đối với ông Phạm Văn K, tại thời điểm ngày 14/7/2011 là Công chứng viên - Trưởng Phòng công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh, có hành vi công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/7/2011, chuyển nhượng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65, diện tích 545,1m2; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871 mang tên Đỗ Đức T và Nguyễn Thị L sang cho Vũ Thị M nhưng không biết việc M nhờ 02 đối tượng tên Hùng và Vđóng giả ông T - bà L ký vào hợp đồng chuyển nhượng nên không đề cập xử L" mà không kiến nghị làm rõ. Nay kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quản L Phòng Công chứng số 3 tỉnh Quảng Ninh, Cơ quan điều tra có thẩm quyền tiến hành điều tra, làm rõ để xử L theo quy định.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Vũ Thị Lệ H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2025/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị M** 12 (mười hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 30 (ba mươi) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2017/HSST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, buộc bị cáo Vũ Thị M phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2013 (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến – Bộ Công an).

[2] Căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tách việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án có thẩm quyền khi bị hại bà Vũ Thị Lệ H có yêu cầu.

[3] Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 152 Luật Đất đai năm 2024, Hội đồng xét xử kiến nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Uông Bí – Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ninh thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh: thu hồi bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871; số vào sổ cấp GCN: H00207 do UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L. Để thu hồi, hủy bỏ phần đăng ký biến động: ngày 21/7/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: *bà Vũ Thị M được quyền sử dụng GCNQSD đất số AD165871, số hồ sơ 490 ngày 21/7/2011*; ngày 23/10/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: *bà Vũ Thị Lệ H được quyền sử dụng GCNQSD đất số AD165871 cấp ngày 21/7/2011, số hồ sơ 450 ngày 23/10/2012*; ngày 23/10/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đính chính quyền sử dụng đất: *ông Đào Việt Hưng và bà Phạm Thị N được quyền sử dụng*

thửa đất tại GCNQSD đất số AD165871 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 205 quyển số 35 TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng công chứng số 3 chứng thực ngày 18/10/2013, số: 419 ngày 23/10/2013 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD165871; số vào sổ cấp GCN: H00207 do UBND thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16/11/2006 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L; đăng ký biến động đất đai hoặc cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 65; địa chỉ: tổ 38, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cho ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Bị hại bà Vũ Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt H **Phạm Văn** **Nguyễn Vũ Đ**

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại giam Hoàng Tiến-BCA;
- TTG - Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người TGTT khác (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đ